|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD-ĐT QUẢNG NAM **TRƯỜNG THPT LƯƠNG THẾ VINH** -------------------- *(Đề thi có \_\_\_ trang)* | **KIỂM TRA GIỮA KÌ 1 NĂM HỌC 2022 - 2023 MÔN: VẬT LÍ 10** *Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian phát đề)* |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Họ và tên: ............................................................................ | | | Số báo danh: ............. | **Mã đề 000** |

**Câu 1.** Quá trình phát triển của Vật Lí gồm mấy giai đoạn chính?

**A.** 2 giai đoạn **B.** 3 giai đoạn **C.** 4 giai đoạn **D.** 5 giai đoạn

**Câu 2.** Các hiện tượng vật lí nào sau đây liên quan đến phương pháp thực nghiệm:

**A.** Ô tô khi chạy đường dài có thể xem ô tô như là một chất điểm.

**B.** Thả rơi một vật từ trên cao xuống mặt đất.

**C.** Quả địa cầu là mô hình thu nhỏ của Trái Đất.

**D.** Để biểu diễn đường truyền của ánh sáng người ta dùng tia sáng.

**Câu 3.** Kí hiệu **** mang ý nghĩa:

**A.** Không được phép bỏ vào thùng rác. **B.** Tránh ánh nắng chiếu trực tiếp.

**C.** Dụng cụ đặt đứng. **D.** Dụng cụ dễ vỡ.

**Câu 4.** Chọn phát biểu **không đúng** về sai số tỉ đối ?

**A.** Sai số tỉ đối là tỉ số giữa sai số tuyệt đối và giá trị trung bình.

**B.** Công thức của sai số tỉ đối:

**C.** Sai số tỉ đối càng nhỏ thì phép đo càng chính xác.

**D.** Sai số tỉ đối càng lớn thì phép đo càng chính xác.

**Câu 5.** Để xác định tốc độ của một vật chuyển động đều, một người đã đo được quãng đường đi được bằng trong khoảng thời gian . Tốc độ của vật là

**A. B. C. D.**

**Câu 6.** Độ dịch chuyển và quãng đường đi được của vật có độ lớn bằng nhau khi vật

**A.** chuyển động tròn.

**B.** chuyển động thẳng và không đổi chiều.

**C.** chuyển động thẳng và chỉ đổi chiều 1 lần.

**D.** chuyển động thẳng và chỉ đổi chiều 2 lần.

**Câu 7.** Đối với một vật chuyển động, đặc điểm nào sau đây chỉ là của quãng đường đi được, không phải của độ dịch chuyển?

**A.** Có phương và chiều xác định. **B.** Có đơn vị đo là mét.

**C.** Không thể có độ lớn bằng 0. **D.** Có thể có độ lớn bằng 0.

**Câu 8.** Diagram

Description automatically generatedHình vẽ bên dưới mô tả độ dịch chuyển của 4 vật.

Chọn câu đúng.

**A.** Vật 1 đi 200 m theo hướng Nam.

**B.** Vật 2 đi 200 m theo hướng 450 Đông – Bắc.

**C.** Vật 3 đi 30 m theo hướng Đông.

**D.** Vật 4 đi 100 m theo hướng Đông.

**Câu 9.** Một xe đi nửa đoạn đường đầu tiên với tốc độ trung bình và nửa đoạn đường sau với tốc độ trung bình . Tính tốc độ trung bình trên cả đoạn đường.

**A.** 37,5 km/h. **B.** 42 km/h. **C.** 24 km/h. **D.** 27,5 km/h.

**Câu 10.** Tính chất nào sau đây là của vận tốc, không phải của tốc độ của một chuyển động?

**A.** Đặc trưng cho sự nhanh chậm của chuyển động.

**B.** Có đơn vị là km/h.

**C.** Không thể có độ lớn bằng 0.

**D.** Có phương xác định.

**Câu 11.** Vận tốc tức thời là

**A.** vận tốc của một vật chuyển động rất nhanh.

**B.** vận tốc của một vật được tính rất nhanh.

**C.** vận tốc tại một thời điểm trong quá trình chuyển động.

**D.** vận tốc của vật trong một quãng đường rất ngắn.

**Câu 12.** Chọn phát biểu ***sai:***

**A.** Vận tốc của chất điểm phụ thuộc vào hệ qui chiếu.

**B.** Trong các hệ qui chiếu khác nhau thì vị trí của cùng một vật là khác nhau.

**C.** Khoảng cách giữa hai điểm trong không gian là tương đối.

**D.** Tọa độ của một chất điểm phụ thuộc hệ qui chiếu.

**Câu 13.** Chọn câu **đúng**? Để đo tốc độ trong phòng thí nghiệm, ta cần:

**A.** Đo thời gian và quãng đường chuyển động của vật.

**B.** Máy bắn tốc độ.

**C.** Đồng hồ đo thời gian

**D.** thước đo quãng đường

**Câu 14.** Đồ thị độ dịch chuyển – thời gian của chất điểm chuyển động thẳng đều có dạng.

**A.** song song với trục tọa độ Ot.

**B.** vuông góc với trục tọa độ.

**C.** đường xiên góc luôn đi qua gốc tọa độ.

**D.** đường xiên góc có thể không đi qua gốc tọa độ.

**Câu 15.**

|  |  |
| --- | --- |
| Đồ thị độ dịch chuyển - thời gian trong chuyển động thẳng của một chiếc xe có dạng như hình vẽ. Trong khoảng thời gian nào xe chuyển động thẳng đều? |  |

**A.** Chỉ trong khoảng thời gian từ 0 đến t1.

**B.** Chỉ trong khoảng thời gian từ t1 đến t2.

**C.** Trong khoảng thời gian từ 0 đến t2.

**D.** Không có lúc nào xe chuyển động thẳng đều.

**Câu 16.** Gia tốc là một đại lượng

**A.** đại số, đặc trưng cho sự biến thiên nhanh hay chậm của chuyển động.

**B.** đại số, đặc trung cho tính không đổi của vận tốc.

**C.** vectơ, đặc trưng cho sự biến thiên nhanh hay chậm của chuyển động.

**D.** vectơ, đặc trưng cho sự biến thiên nhanh hay chậm của vận tốc.

**Câu 17.** Chuyển động nhanh dần là chuyển động có:

**A.** Vận tốc tăng theo thời gian. **B.** Tích số a.v > 0.

**C.** Tích số a.v < 0. **D.** Gia tốc a > 0.

**Câu 18.** Trong số các đồ thị (I), (II), (III) và (IV), đồ thị nào mô tả chuyển động thẳng chậm dần đều?

0

t

v

(I)

0

t

v

(II)

0

t

v

(III)

0

t

v

(IV)

**A.** Chỉ có đồ thị (II). **B.** Gồm đồ thị (II) và (III).

**C.** Chỉ có đồ thị (IV). **D.** Gồm đồ thị (II) và (IV).

**Câu 19.** Vectơ gia tốc của chuyển động thẳng biến đổi đều

**A.** có phương vuông góc với vectơ vận tốc.

**B.** có độ lớn không đổi.

**C.** cùng hướng với vectơ vận tốc.

**D.** ngược hướng với vectơ vận tốc.

**Câu 20.** Gọi  là vận tốc ban đầu của chuyển động. Công thức liên hệ giữa vận tốc v, gia tốc a và độ dịch chuyển d vật đi được trong chuyển động thẳng biến đổi đều là

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 21.** Cho phương trình độ dịch chuyển của một vật là: d = 10t - 0,4t2 , gia tốc của của chuyển động là:

**A.** -0,8 m/s2. **B.** -0,2 m/s2. **C.** 0,4 m/s2. **D.** 0,16 m/s2.

***------ HẾT ------***